

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2021

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

2. Phạm vi tuyển sinh

- Xét tuyển thí sinh trong phạm vi cả nước.

3. Ngành tuyển sinh Đại học chính quy và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021

ST T	Ngành học	Mã ngành	Khối ngành	Tổ hợp môn xét tuyển đại học	Chỉ tiêu dự kiến cho đợt 1 (Sinh viên)				
					PT1	PT2	PT3	PT4	Tổng theo ngành
1	Quản trị kinh doanh	7340101	III	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	60	48	10	2	120
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(D01) Toán – Tiếng Anh – Ngữ văn					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
2	Địa chất học	7440201	IV	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	40	55	4	1	100
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(A02) Toán – Vật lý – Sinh học					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
3	Khí tượng và khí hậu học	7440221	IV	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	20	27	2	1	50
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(D01) Toán – Tiếng Anh – Ngữ văn					

ST T	Ngành học	Mã ngành	Khối ngành	Tổ hợp môn xét tuyển đại học	Chỉ tiêu dự kiến cho đợt 1 (Sinh viên)				
					PT1	PT2	PT3	PT4	Tổng theo ngành
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
4	Thủy văn học	7440224	IV	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	20	27	2	1	50
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(D01) Toán – Tiếng Anh – Ngữ văn					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
5	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	7440298	IV	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	20	27	2	1	50
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(D01) Toán – Tiếng Anh – Ngữ văn					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
6	Hệ thống thông tin	7480104	V	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	20	27	2	1	50
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(D01) Toán – Tiếng Anh – Ngữ văn					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
7	Công nghệ thông tin	7480201	V	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	55	40	4	1	100
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					

ST T	Ngành học	Mã ngành	Khối ngành	Tổ hợp môn xét tuyển đại học	Chỉ tiêu dự kiến cho đợt 1 (Sinh viên)				
					PT1	PT2	PT3	PT4	Tổng theo ngành
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(D01) Toán – Tiếng Anh – Ngữ văn					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
8	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	V	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	100	138	10	2	250
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(A02) Toán – Vật lý – Sinh học					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
9	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ	7520503	V	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	40	55	4	1	100
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(A02) Toán – Vật lý – Sinh học					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
10	Kỹ thuật tài nguyên nước	7580212	V	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	40	55	4	1	100
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(A02) Toán – Vật lý – Sinh học					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
11		7580213	V	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	40	55	4	1	100

ST T	Ngành học	Mã ngành	Khối ngành	Tổ hợp môn xét tuyển đại học	Chỉ tiêu dự kiến cho đợt 1 (Sinh viên)				
					PT1	PT2	PT3	PT4	Tổng theo ngành
	Kỹ thuật cấp thoát nước			(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(A02) Toán – Vật lý – Sinh học					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
12	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	VII	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	105	84	15	6	210
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(A02) Toán – Vật lý – Sinh học					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
13	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	VII	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	48	60	11	1	120
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(D01) Toán – Tiếng Anh – Ngữ văn					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
14	Quản lý đất đai	7850103	VII	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	125	100	18	7	250
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(D01) Toán – Tiếng Anh – Ngữ văn					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					

ST T	Ngành học	Mã ngành	Khối ngành	Tổ hợp môn xét tuyển đại học	Chỉ tiêu dự kiến cho đợt 1 (Sinh viên)				
					PT1	PT2	PT3	PT4	Tổng theo ngành
15	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	7850195	VII	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	20	27	2	1	50
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(D01) Toán – Tiếng Anh – Ngữ văn					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
16	Quản lý tài nguyên khoáng sản	7850196	VII	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	20	27	2	1	50
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(A02) Toán – Vật lý – Sinh học					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
17	Quản lý tài nguyên và môi trường Biển đảo	7850197	VII	(A00) Toán – Vật lý – Hóa học	20	27	2	1	50
				(A01) Toán – Vật lý – Tiếng Anh					
				(B00) Toán – Sinh học – Hóa học					
				(A02) Toán – Vật lý – Sinh học					
				Kết quả đánh giá năng lực ĐHQG					
				TỔNG CỘNG	793	879	98	30	1.800

4. Phương thức tuyển sinh

4.1. Phương thức 1

Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi trung học phổ thông năm 2021

- *Điều kiện đăng ký:*

- Thí sinh tốt nghiệp THPT 2021 hoặc tương đương;
- Thí sinh tham gia kỳ thi THPT năm 2021 có đăng ký sử dụng kết quả thi để xét tuyển sinh đại học, cao đẳng; có kết quả các môn thi thuộc tổ hợp môn xét tuyển phù hợp với ngành đào tạo của trường đạt yêu cầu tiêu chí đảm bảo chất lượng do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh quy định.

- *Thời gian dự kiến nhận hồ sơ xét tuyển:* Gồm có 4 đợt xét tuyển, như sau:

- Đợt 1: theo khung thời gian do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;
- Các đợt còn lại mỗi đợt dự kiến cách nhau 2 tuần.

4.2. Phương thức 2

Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập theo học bạ ở bậc học THPT.

- *Điều kiện đăng ký:*

- Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2017 đến 2021.
- Có hạnh kiểm xếp loại Khá trở lên trong hai năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 THPT.

- *Thời gian nhận hồ sơ (dự kiến):*

- Đợt 1: 01/04 – 30/5/2021;
- Đợt 2 (bổ sung đợt 1): 01/6 – 01/7/2021;
- Đợt 3 (bổ sung đợt 2): 02/7 – 15/7/2021;
- Đợt 4 (bổ sung đợt 3): 16/7 – 29/7/2021;

4.3. Phương thức 3

Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2021 của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- *Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:*

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM năm 2021.

- *Thời gian nhận hồ sơ:* Sau khi có kết quả của kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM năm 2021

4.4. Phương thức 4

Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thí sinh theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2021 của Bộ GD&ĐT.

- *Chỉ tiêu (dự kiến)*: $\leq 1,5\%$ tổng chỉ tiêu của từng ngành/nhóm ngành.

- *Điều kiện, thời gian xét tuyển*: theo kế hoạch tuyển sinh chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2021.

- *Thời gian nộp hồ sơ*: Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển về các Sở GD&ĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

+ Phương thức 1 xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT năm 2021: Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển phù hợp với ngành đào tạo của Trường cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực phải thỏa mãn tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sẽ thông báo khi có kết quả thi THPT năm 2021.

+ Phương thức 2 xét tuyển dựa theo kết quả học tập ở bậc học THPT: Tổng điểm trung bình năm (05) học kỳ (năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển theo từng ngành thí sinh đăng ký xét tuyển phải đạt 18,00 điểm trở lên

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sẽ thông báo khi có kết quả thi THPT năm 2021.

+ Phương thức 3: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào Nhà trường công bố khi có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh.

6. Chính sách ưu tiên

Ưu tiên đối tượng, khu vực: Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và đào tạo.

7. Thông tin liên hệ

Ban Tuyển sinh – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại: 028.3535.1229

Phòng Đào tạo – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại: 028.3991.6415

236B Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Email: tuyensinh@hcmunre.edu.vn

Website: www.hcmunre.edu.vn